

**NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16599 /VCB-CLTG&TKTH
v/v CBTT Quy chế tổ chức và hoạt động
của BKS sửa đổi năm 2021

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: **VCB**

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 9343137

Fax: 0243 - 8251322

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 – 9343137 (2188)

Fax: 0243 - 8251322

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ.

Nội dung thông tin công bố:

Căn cứ Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Vietcombank đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Vietcombank.

Thông tin này đã được đăng tải lên website của Ngân hàng kể từ ngày 11/05/2021 tại đường dẫn:

<http://www.vietcombank.com.vn/Investors/Information.aspx>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Cơ quan TTGSNH (để biết)
- HDQT, TGD (để b/c);
- Các PTGD (để biết);
- Lưu CLTG&TKTH.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phùng Nguyễn Hải Yến



PHÁP CHẾ

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ-VCB-BKS ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam)

Tài liệu này được sử dụng với mục đích duy nhất để phục vụ hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Việc sử dụng tài liệu này tuân theo Quy định về công tác văn bản và quản lý văn bản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Viet
PHÒNG
Ngày



Số: 666/QĐ-VCB-BKS

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam**

BAN KIỂM SOÁT

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010 và Luật số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18/05/2018 và Thông tư số 40/2018/TT-NHNN ngày 28/12/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông thông qua hợp lệ theo Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam*”.

3m
PH
ing
00
GÂ
JNG
30A
VIỆ
V.K

ph

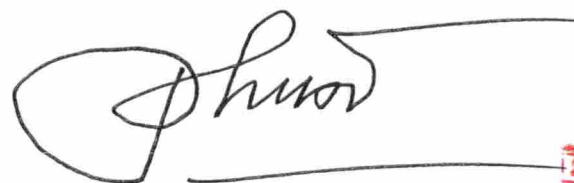
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 661/QĐ-VCB-BKS ngày 26/04/2019 của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Điều hành, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lại Hữu Phước

H
A
I
T
H
M

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ-VCB-BKS ngày 23 tháng 04 năm 2021 của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ	1
Điều 4. Áp dụng văn bản	2
CHƯƠNG II.....	2
QUY ĐỊNH CỤ THỂ	2
MỤC I – CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN	2
CỦA BAN KIỂM SOÁT	2
Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát.....	2
Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát	3
Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát	7
Điều 10. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát.....	8
Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát.....	8
Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	9
Điều 13. Nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Ban kiểm soát.....	10
Điều 14. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.....	10
MỤC II – HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 15. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát.....	11
Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát	11
Điều 17. Trình tự tổ chức họp Ban kiểm soát.....	12
Điều 18. Thông qua quyết định của Ban kiểm soát	12
Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát.....	14
MỤC III – CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin.....	14
Điều 21. Bảo mật thông tin.....	15
Điều 22. Các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát	15
Điều 23. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	17
Điều 24. Khen thưởng và kỷ luật	17
CHƯƠNG III	18
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	18
Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	18
Điều 26. Tổ chức thực hiện.....	18

mb

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 666/QĐ-VCB-BKS ngày 23 tháng 04 năm 2021
của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, quy trình làm việc và mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đối tượng sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
2. Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm, Giám đốc Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ Sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
3. Cá nhân, đơn vị có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Điều 3. Viết tắt và giải thích từ ngữ

1. Các từ viết tắt:
 - Ban kiểm soát: Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
 - Ban điều hành: Ban điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Điều lệ Ngân hàng: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

- Quy chế: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

2. Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ được sử dụng trong Quy chế này có cùng nghĩa như đã được định nghĩa tại Điều lệ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Điều 4. Áp dụng văn bản

1. Trường hợp Quy chế này không quy định thì áp dụng các quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định có liên quan của pháp luật.

2. Trường hợp có sự thay đổi Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật dẫn đến Quy chế này khác với Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật đó thì áp dụng quy định mới tại Điều lệ Ngân hàng và quy định mới của pháp luật.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

MỤC I – CƠ CẤU, TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Cơ cấu, tổ chức của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ít nhất 03 (ba) thành viên và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật, số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại Tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Ngân hàng nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số quá bán.

Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 9 Quy chế này.

3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban kiểm soát theo quy định, Ban kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Giám sát việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban kiểm soát theo quy định.

3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát, kế hoạch kiểm toán nội bộ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ; định kỳ hàng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.

4. Quyết định cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ phận kiểm toán nội bộ. Quy định tiêu chuẩn của kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát và giao nhiệm vụ đối với các chức danh kiểm toán viên, kiểm soát viên nội bộ thuộc Ban kiểm soát. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.

5. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

etco
VGP
thán

NG
J
NG
/

6. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.

7. Giám sát đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng, bao gồm:

a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ.

b) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc:

(i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;

(ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;

(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

8. Thẩm định và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định một số báo cáo sau:

(i) Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của Ngân hàng, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

(ii) Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và công tác điều hành của Tổng Giám đốc;

(iii) Báo cáo tình hình kinh doanh.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

11. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.

12. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

13. Kịp thời thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ sau khi phát hiện người quản lý Ngân hàng có hành vi vi phạm quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành có liên quan; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.

14. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.

15. Lập, lưu giữ và cập nhật danh sách những Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cổ đông sở hữu tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết của Ngân hàng.

16. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

19. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.

3. Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

Handwritten signature

HỆ
AN
CỔ
HỮU
NHÀ

4. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

5. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

6. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

7. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.

8. Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

9. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

10. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.

11. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định của pháp luật.

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Các thành viên Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Ngân hàng và của cổ đông.

b) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

c) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

d) Đề xuất với Ban kiểm soát để đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

e) Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

f) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

g) Định kỳ báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về tình hình và kết quả kiểm soát trong phạm vi công việc được phân công. Báo cáo ngay Trưởng Ban kiểm

soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.

h) Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

i) Có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

j) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định của pháp luật.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi như sau:

a) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản pháp luật liên quan.

b) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

c) Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Các giao dịch này phải được công bố thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

d) Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Ngân hàng hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Ban kiểm soát là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

b) Các giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát là thành viên hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

Điều 9. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không thuộc đối tượng không được là thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về ngân hàng.

3. Có sức khỏe đáp ứng được yêu cầu công việc theo quy định của Ngân hàng, có đạo đức nghề nghiệp và trung thực.

4. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

5. Không phải là người có liên quan của Người quản lý Ngân hàng.

6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng.

7. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó.

8. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

9. Có các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

Điều 10. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Chính trực: thực hiện công việc được giao một cách thẳng thắn, trung thực;

2. Khách quan: thực hiện công việc được giao khách quan; đánh giá công bằng không vì lợi ích cá nhân hoặc lợi ích của người khác;

3. Bảo mật: tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng;

4. Trách nhiệm: thực hiện công việc được giao đảm bảo tiến độ và chất lượng;

5. Thận trọng: thực hiện công việc được giao một cách thận trọng trên cơ sở đánh giá các yếu tố sau đây:

a) Mức độ phức tạp, tầm quan trọng của nội dung công việc;

b) Khả năng xảy ra các sai sót nghiêm trọng trong quá trình thực hiện công việc.

Điều 11. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ đối với thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác và không được đồng thời đảm nhiệm các chức vụ khác quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành, nhân viên của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Ngân hàng.

Điều 12. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

b) Chết, mất năng lực hành vi dân sự.

c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà thành viên Ban kiểm soát đó là người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

d) Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền chấm dứt.

e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

f) Khi Ngân hàng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng và được chấp thuận theo quy định tại Khoản 8 Điều này.

c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Ngân hàng và quy định của pháp luật.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng.

c) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

4. Sau khi đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thành viên Ban kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

5. Trong trường hợp thiếu thành viên Ban kiểm soát mà những thành viên Ban kiểm soát còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán, Trưởng ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

6. Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng) làm Trưởng Ban kiểm soát.

7. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

8. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

9. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát đương nhiên mất tư cách, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 13. Nhiệm vụ của các bộ phận thuộc Ban kiểm soát

1. Bộ phận giúp việc Ban kiểm soát: giúp Ban kiểm soát thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

2. Bộ phận kiểm toán nội bộ: thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 14. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao và được hưởng lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Chi phí hoạt động (chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập) của thành viên Ban kiểm soát được Ngân hàng thanh toán theo quy định.

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, các quy định khác của pháp luật và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.

MỤC II – HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Chế độ làm việc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể kết hợp với chế độ trách nhiệm cá nhân theo mảng công việc được phân công của từng thành viên trong Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được phân công phụ trách mảng công việc nào thì thực hiện báo cáo hoặc có ý kiến đối với các mảng công việc đó.

3. Các thành viên có ý kiến đối với báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng, báo cáo của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông và các vấn đề khác theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát đầu tiên phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau bầu cử Ban kiểm soát đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên sẽ bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ để triệu tập họp Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát họp định kỳ và bất thường do Trưởng Ban kiểm soát hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát hoặc một thành viên Ban kiểm soát được uỷ quyền bởi Trưởng Ban kiểm soát triệu tập.

3. Các cuộc họp định kỳ của Ban kiểm soát tổ chức ít nhất mỗi quý một lần. Ban kiểm soát có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề đột xuất, cấp bách của Ngân hàng. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Thống đốc Ngân hàng nhà nước.
- b) Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- c) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị.
- d) Trưởng Ban kiểm soát.
- e) Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban kiểm soát.
- f) Tổng Giám đốc.

4. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại điểm a, b, c, e, f của khoản 3 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo cơ

biểu quyết. Trường hợp người được ủy quyền dự họp không phải là thành viên Ban kiểm soát thì người đó không được biểu quyết.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định thì sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính quyết định cuối cùng trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

4. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng, giao dịch được nêu tại khoản 1 Điều 75 Điều lệ Ngân hàng sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

5. Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.

6. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.

7. Trưởng Ban kiểm soát quyết định tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban kiểm soát nếu thấy cần thiết. Theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát, cán bộ thuộc Ban kiểm soát chuẩn bị phiếu xin ý kiến cùng với các tài liệu về vấn đề cần xin ý kiến và gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Ban kiểm soát trước một thời gian hợp lý để các thành viên Ban kiểm soát có thời gian xem xét và cho ý kiến.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản của thành viên Ban kiểm soát có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của trên 50% số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề

đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát.

9. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng.
- b) Mục đích lấy ý kiến.
- c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban kiểm soát.
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến.
- e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Ngân hàng.
- g) Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 19. Biên bản họp của Ban kiểm soát

1. Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Thư ký cuộc họp chịu trách nhiệm ghi chép và lập biên bản cuộc họp Ban kiểm soát và ký tên vào biên bản.

2. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ theo quy định nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

MỤC III – CHẾ ĐỘ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Quyền được cung cấp thông tin

1. Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.
- b) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.

c) Các thông tin tài chính; các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; các thông tin khác; các biên bản họp và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người quản lý Ngân hàng khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

3. Nếu một thành viên của Ban kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban kiểm soát có liên quan.

4. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Ngân hàng lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên Ngân hàng trong giờ làm việc để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 21. Bảo mật thông tin

1. Các thành viên Ban kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của Ngân hàng và quy định của pháp luật.

2. Các thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin được xếp loại mật, các văn bản tài liệu Ngân hàng và các thông tin khác liên quan đến hoạt động Ngân hàng, hoặc các thông tin mà Ngân hàng chưa công bố ra bên ngoài.

3. Sau khi hết nhiệm kỳ, thành viên Ban kiểm soát vẫn có nghĩa vụ bảo mật thông tin theo các quy định về bảo mật thông tin của Ngân hàng (trừ trường hợp các thông tin mật đã được Ngân hàng công bố công khai mà thời điểm Ngân hàng công bố là sau khi thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ).

4. Các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 22. Các mối quan hệ công tác của Ban kiểm soát

1. Mối quan hệ với các cơ quan quản lý nhà nước và cổ đông:

a) Ban kiểm soát thực hiện chế độ gửi báo cáo đối với các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định hiện hành.

16
NG
LỚN
160
VI
16

nh

b) Ban kiểm soát thực hiện báo cáo cổ đông kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.

c) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Luật Tổ chức tín dụng và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Ngân hàng.

2. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị bảo đảm chế độ cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng, quy định quản trị nội bộ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

b) Hội đồng quản trị mời Trưởng Ban kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị.

c) Hội đồng quản trị phối hợp với Ban kiểm soát/bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị.

d) Ban kiểm soát thực hiện giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Khi nhận được kết quả giám sát, kiểm toán và những đề xuất, kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị (nếu có), Hội đồng quản trị sẽ xem xét để đưa ra kết luận, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị.

e) Ban kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng. Hội đồng quản trị đảm bảo Ban kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này.

f) Ban kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng cổ đông.

3. Mối quan hệ với Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng:

a) Tổng Giám đốc phối hợp với Ban kiểm soát/bộ phận Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Tổng Giám đốc.

b) Tổng Giám đốc chỉ đạo bộ phận quản lý rủi ro và các bộ phận có liên quan cung cấp đầy đủ thông tin về rủi ro của Ngân hàng cho Ban kiểm soát/bộ phận Kiểm toán nội bộ để phục vụ việc lập kế hoạch kiểm toán nội bộ.

c) Ban điều hành đảm bảo chế độ cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát theo Quy chế này, Điều lệ Ngân hàng, quy định quản trị nội bộ của Ngân hàng và các quy định khác có liên quan.

d) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng mời Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác.

ml

TI
C
"'
-
TI
V H
MẠI
T H
T I
EM

e) Ban điều hành và người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này, quy định quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Trưởng Ban kiểm soát.

f) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, Ban điều hành và Người quản lý Ngân hàng phải báo cáo ngay cho Trưởng Ban kiểm soát.

g) Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ và thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo quy định. Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Tổng Giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có), báo cáo Ban kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

h) Ban điều hành tạo điều kiện cho các thành viên Ban kiểm soát tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Ngân hàng.

4. Mối quan hệ với các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng:

a) Các đơn vị trong hệ thống đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

b) Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban kiểm soát; báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát theo đúng thời gian quy định.

c) Các đơn vị (các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính Ngân hàng, các đơn vị thành viên của Ngân hàng) thực hiện cơ chế phối hợp trong quá trình hoạt động với Ban kiểm soát theo các quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 23. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 24. Khen thưởng và kỷ luật

Việc đánh giá, khen thưởng, kỷ luật thành viên Ban kiểm soát, cán bộ thuộc Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ và các quy định nội bộ khác của Ngân hàng.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do Ban kiểm soát xem xét, đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 26. Tổ chức thực hiện

Các ông/bà Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban điều hành, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Giám đốc Trung tâm/Ban, Trưởng Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Giám đốc Chi nhánh, Trưởng Văn phòng đại diện, Giám đốc Đơn vị sự nghiệp và Chủ tịch Hội đồng thành viên/Tổng Giám đốc/Giám đốc các Công ty con 100% vốn của Ngân hàng chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này. *ml*

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lưu

Lại Hữu Phước

